TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN HẢI HẬU** **TỈNH NAM ĐỊNH**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 49/2018/TCDS-ST
Ngày: 25-9-2018
V/v: "Tranh chấp về chia di sản thừa kế"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HẢI HẬU - TỈNH NAM ĐỊNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Nguyễn Thị Hằng.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Trần Tiến Sử;

Bà Trần Thị Phượng.

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Kim Dung - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Hải Hậu, tỉnh Nam Định.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hải Hậu, tỉnh Nam Định tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Huê - Kiểm sát viên.

Ngày 21/9/2018 và ngày 25/09/2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hải Hậu xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 12/2018/TLST- TCDS ngày 10/4/2018 về việc: "Tranh chấp về chia di sản thừa kế" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 52/2018/QĐXXST-TCDS ngày 01/8/2018 và Quyết định tạm ngừng phiên tòa ngày 22/08/2018 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Ông Mai Văn H, sinh năm 1954; ĐKHKTT tại xóm 5 xã Hải V, huyện H, tỉnh N. Nơi cư trú, thị trấn P, huyện B, tỉnh B"Có mặt".

Người đại diện theo ủy quyền: ông Mai Văn B; sinh năm 1966

Địa chỉ: Xóm 5, xã Hải V, huyện H, tỉnh N. "Có mặt"

- *Bị đơn*: Chị Mai Thị H, sinh năm 1977; Địa chỉ: Xóm 5, xã Hải V, huyện H, tỉnh N. "Có mặt".

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

+ Chị Mai Thị H, sinh năm 1975 ; cư trú tại: Xóm 14, xã Hải Ph, huyện H, tỉnh N "vắng mặt".

+ Chị Mai Thị Th, sinh năm 1975 ; cư trú tại : Xóm 14, xã Hải N, huyện H, tỉnh N. "vắng mặt".

+ Chị Mai Thị Th, sinh năm 1983 ; cư trú tại : Xóm 19, xã H, huyện H, tỉnh N. "Có mặt".

Ông Mai Văn P(Mai Xuân L); sinh năm 1940 đã chết 2008.

Người thừa kế quyền và nghĩa vụ của ông Mai Xuân Lượng gồm:

Ông Mai Văn V; sinh năm 1960. Địa chỉ: xóm 6 xã Hải N , huyện H, tỉnh N. "Có mặt".

Bà Mai Thị Th; sinh năm 1975, Địa chỉ: Khu Phố Ph, tổ 2 Phường T Ph, thị xã Đồng X, tỉnh B. "vắng mặt".

Bà Nguyễn Thị T; sinh năm 1947; anh Mai Đức Th; sinh năm 1980; anh Mai Đức T; sinh năm 1984. Đều địa chỉ tại: Số nhà 150, Phố Nguyễn Văn tr, Phường M, Quận H, Tp H. "vắng mặt".

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Tại đơn khởi kiện đề ngày 21/3/2018, quá trình tham gia tố tụng tại Tòa án, nguyên đơn ông Mai Văn H trình bày:

Ông Mai Văn H và bà kết hôn với nhau năm 1974 tại Ủy ban nhân dân xã Hải Vân, huyện Hải Hậu, tỉnh Nam Định và sinh được 04 người con gái là Mai Thị H, Mai Thị Th, Mai Thị H và Mai Thị Th. Bà Mai Thị Thcó mẹ Nguyễn Thị Rần chết năm 1988; bố Mai Văn Phi(Mai Xuân Lượng) chết năm 2008 , người thừa kế quyền và nghĩa vụ của ông Lượng là bà Nguyễn Thị Tá; ông Mai Văn Viện; Bà Mai Thị T; Mai Đức Thắng; Mai Đức Toàn. Quá trình chung sống vợ chồng ông H, bà Th có tạo lập được khối tài sản chung là một thửa đất diện tích 465m^2 (trong đó: đất ở: 200m^2, đất vườn 165m^2, đất ao 100m^2 tại tờ bản đồ số 10, số thửa 47, được UBND huyện Hải Hậu, tỉnh Nam Định cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số seri M 444325 ngày 15/12/1997, đứng tên hộ ông Mai Văn H và một ngôi nhà mái bằng diện tích 62,37 m^2 hiện nay đã xuống cấp giá trị sử dụng không còn nhiều. Do không có con trai bà Th đã đồng ý cho ông H lên huyện Bạch Thông, tỉnh Bắc Kạn sinh sống với người phụ nữ khác, một năm ông H có về địa pH mấy lần rồi đi. Ngày 02/10/2005, bà Mai Thị Thchết toàn bộ tài sản chung của ông H, bà Th do chị Mai Thị H là con gái thứ ba trông coi, quản lý và thờ cúng bà Th cho đến nay. Do mở đường giao thông Th lợi diện tích thực tế hiện còn 456m^2 .

Quá trình trông coi tài sản chung của ông H, bà Th chị H có san lấp ao trong thổ, xây dựng tu tạo công trình khi hỏng hóc, trông coi quản lý thổ đất, xây nhà tắm, xây tường rào B40 bao quanh thổ, trồng chuối và một số cây trồng

khác trên đất như hiện nay. Ngoài ra, khi ông H ở xa, chị H ở nhà có đóng góp tiền vào việc tổ tiên, dòng họ, ghi tiền hiếu hỷ cho cả gia đình. Ông H đề nghị chia di sản thừa kế của bà Th trong khối tài sản chung của ông và bà Th là thửa đất diện tích thực tế hiện còn lại 456m^2 tại tờ bản đồ số 10, số thửa 47, đứng tên hộ ông Mai Văn H sau khi trừ đi chi phí chị H tham gia đóng góp trong khối tài sản chung là tiền san lấp ao, tiền xây tường rào và các khoản tiền khác là 87.691.000đ , còn tiền công sức trông coi quản lý đất đai nhà cửa tòa án xem xét cho chị H theo luật sau đó chia thừa kế theo quy định pháp luật. Về chia đất ông H xin được nhận bằng hiện vật có vị trí phần giáp nhà ông Mai Văn B, về công trình xây dựng có xây được một ngôi nhà mái bằng diện tích 62,37m^2 giá trị sử dụng không còn nhiều ông không yêu cầu Tòa án chia, nếu Tòa án cắt đất cho ai có nhà thì người đó được hưởng phần công trình trên đất. Do không có tiền để thanh toán chênh lệch cho các đồng thừa kế nên ông H đề nghị Tòa án phân chia di sản thừa kế cho ông H và các đồng thừa kế khác bằng hiện vật.

Tại phiên tòa ông Mai Văn H, người được ông Mai Văn H ủy quyền là ông Mai Văn B cũng có quan điểm như ông H trình bày ở trên tuy nhiên về chia đất bằng hiện vật xin nhận phần đất phía Tây giáp ngõ dong xóm. Về ruộng nông nghiệp: Hiện nay hộ gia đình nhà ông có 4,2 sào ruộng là tiêu chuẩn của 6 người gồm có ông và bà Th, chị Mai Thị H, chị Mai Thị Th, chị Mai Thị Th và chị Mai Thị H có 1176 m^2 đất ruộng hai lúa và 157 m^2 đất chuyên mạ.Về đất ruộng hai lúa tiêu chuẩn của ai người đó cấy, phần của ông H, bà Th ông để cho chị H hiện nay đang cấy được quyền sử dụng, còn về đất ruộng chuyên mạ ông xin nhận phần tiêu chuẩn của ông còn lại sau khi trừ giao thông nội đồng, phần còn lại tiêu chuẩn của bà Th và các con để các con sử dụng ông không đưa vào yêu cầu chia di sản thừa kế thừa kế .

* Tại bản tự khai ngày 12/4/2018 và quá trình tham gia tố tụng bị đơn, chị Mai Thị H trình bày:

Chị H công nhận về quan hệ hôn nhân, huyết thống, thời điểm bà Mai Thị Thchết, tài sản chung của ông Mai Văn H và bà Mai Thị Thnhư ông H khai là đúng. Từ năm 1983 ông H đã ở với người phụ nữ khác, thỉnh thoảng mỗi năm mới về quê 1 lần, mỗi lần chỉ vài một vài ngày rồi lại đi, năm mẹ con chị H nuôi nhau khổ sở. Năm 2005, bà Mai Thị Thchết tại TP Hồ Chí Minh trong khi đang đi làm ăn xa, do không có tiền đưa Th thể bà Th về quê làm ma, ông H đã dùng Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của gia đình vay số tiền 7.000.000đ. Số tiền này sau đó chị H đã phải thanh toán trả nợ để lấy lại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của hộ ông Mai Văn H. Từ sau khi bà Th chết cho đến nay, chị em chị H dùng ngôi nhà để thờ cúng cho bà Th. Chị H là con gái nhưng do ông H, bà Th không có con trai, chị H lại lấy chồng ở gần nên trực tiếp trông coi, quản lý

nhà đất này cho đến nay là 13 năm kể từ khi bà Thị chết. Trong quá trình sử dụng chị H có lấp ao, xây tường rào B40 quanh thổ, mọi chi tiêu công việc chung của gia đình như đóng góp dòng tộc, hiếu hỷ chị H đều phải chi như ông H kê khai là đúng. Mỗi lần chi tiêu như vậy, chị H đều thông báo và được ông H đồng ý.

Trong quá trình trông coi quản lý thổ đất chị H đã bỏ ra chi tiêu và những khoản sau: Tiền lấp 100m^2 ao trong thổ hết 50.000.000đ; tiền xây tường và cắm rào B40 quanh thổ và sửa nhà hết 22.591.000đ; tiền vay thêm lo cho việc làm đám bà Th hết 7000.000đ ; tiền đóng góp cho dòng họ tiền đi hiếu hỷ 8.100.000đ .Tổng cộng 87.691.000đ, và nhiều khoản chi khác chị H không yêu cầu. Nay ông H kiện chia di sản thừa kế chị H đề nghị Tòa án trước khi chia di sản thừa kế phải tính đến phần công sức đóng góp của chị H vào khối tài sản chung của ông H, bà Th, công sức trông coi quản lý tài sản này trong 13 năm. Vì hiện nay ông H đang ở tại thị trấn P, huyện B, tỉnh Bcùng người phụ nữ khác, còn bà Th chỉ sinh được 4 người con gái nên bốn chị em chị H có nguyện vọng được nhận quyền sử dụng chung phần đất được hưởng chia di sản thừa kế để chị em làm nơi thờ cúng cho bà Th. Chị H tự nguyện đưa phần công sức đóng góp, quản lý, tôn tạo giá trị là tiền, và phần được hưởng thừa kế của cụ Lượng do các đồng thừa kế quyền và nghĩa vụ thống nhất cho chị đưa vào khối tài sản chung hợp nhất của bốn chị em.

* Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan – chị Mai Thị H, chị Mai Thị Th, chị Mai Thị Th trình bày: Công nhận lời khai của ông H và chị H trình bày về hàng thừa kế, di sản thừa kế của bà Th là đúng. Công nhận thời gian ông H không có ở nhà, và sau khi bà Thị chết chị H đã trông coi, quản lý khối tài sản chung của ông H, bà Th, lấp ao, xây tường rào quanh thổ, đóng góp họ hàng, chi tiêu hiếu hỷ với số tiền 87.691.000đ là đúng. Nay chị H, chị Th, chị Th đề nghị Tòa án xem xét thanh toán phần công sức đóng góp cho chị H trong khối tài sản chung, phần chị H có công trông coi quản lý thổ đất thờ cúng H khói cho mẹ, sau đó chia di sản thừa kế của bà Th theo quy định của pháp luật và xin được chia bằng hiện vật được quyền sở hữu, quyền sử dụng đất chung cùng với chị H để các chị có nơi thờ cúng cho bà Mai Thị Thlà mẹ đẻ của các chị. Vì là bốn chị em nên xin nhận chia cho bốn chị em phần đất phía Tây giáp đường dong xóm cắt chiều Bắc Nam và xin được quyền sử dụng chung phần đất được chia theo quy định pháp luật.

Về công trình xây dựng trên đất nhất trí không đưa vào chia thừa kế, chia đất cho ai có công trình thì người đó được quyền sử dụng.

Về đất ruộng: nhất trí ý kiến của ông Mai Văn H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Người thừa kế quyền nghĩa vụ của cụ Mai Xuân L(Mai Văn Ph) là bà Nguyễn Thị Tá, Ông Mai Văn Viện, bà Mai Thị T, ông Mai Đức Thắng; ông Mai Đức Toàn trình bày: Công nhận về hàng thừa kế, di sản thừa kế của bà Mai Thị Th. Tòa án cho biết ông Mai Văn H có nguyện vọng chia di sản thừa kế 456m^2 là tài sản chung của ong H và bà Th. Nếu Tòa án xác định di sản thừa kế của bà Mai Thị Thmà ông bà được hưởng thừa kế quyền và nghĩa vụ của ông Mai Xuân Lượng chia theo quy định của pháp luật thì xin nhận phần được chia và cho lại chị Mai Thị H là con gái bà Th đang trông coi quản lý di sản để chị H có trách nhiệm thờ cúng bà Mai Thị Thkhông có yêu cầu độc lập nào khác, về án phí phần của các ông bà được chia bao nhiêu thì chị H có trách nhiệm nộp theo quy định của pháp luật.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa:

Về việc tuân theo pháp luật: Tòa án nhân dân huyện Hải Hậu thụ lý vụ án là đúng thẩm quyền. Việc chấp hành pháp luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán và Hội đồng xét xử cũng như của các đương sự trong quá trình giải quyết vụ án đến trước khi Hội đồng xét xử nghị án đảm bảo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về đường lối giải quyết vụ án: Đại diện Viện Kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận đơn khởi kiện chia di sản thừa kế của ông Mai Văn H. xác định 456m^2 tại tờ bản đồ số 10, số thửa 47 là tài sản chung của ông Mai Văn H, bà Mai Thị Th. Chị Mai Thị H có công trông coi, lấp ao, xây tường rào, tiền đóng góp vào dòng tộc khi ông H đi vắng, tiền vay làm ma còn Thếu cho bà Th. Tổng số tiền là 87.691.000đ tương đương 51,6m^2 đất. Diện tích còn lại 404,4m^2. Xác định di sản thừa kế của của bà Mai Thị Th để lại là ½ số đất còn lại là 201,2m^2. Hàng thừa kế được hưởng di sản của bà Mai Thị Th gồm 6 người hàng thừa kế thứ nhất: ông Mai Văn H, chị Mai Thị H, chị Mai Thị Th, chị Mai Thị H, chị Mai Thị Th, ông Mai Văn Phi (tức Mai Xuân Lượng) mỗi người được hưởng 33,7m^2, ông Mai Xuân Lượng chết năm 2 Mai Xuân L (Mai Văn Ph) 008 những người được kế thừa quyền và nghĩa vụ của ông Lượng gồm bà Nguyễn Thị Tá, ông Mai Đức Toàn, ông Mai Đức Thắng ,bà Mai Thị T, ông Mai Văn Viện.Tuy nhiên tất cả những người thừa kế quyền và nghĩa vụ của ông Lượng đều nhất trí để lại phần mình được hưởng cho chị Mai Thị H cần chấp nhận sự tự nguyện của các đương sự ở trên. Về đất chia di sản thừa kế có diện tích tương đối bằng nhau phía nam thổ đất có 10 m giáp đường lớn để đảm bảo giá trị đất các phần được chia không có sự chênh lệch lớn, đồng thời đảm bảo việc sử dụng đất của các bên được Tận lợi đề nghị Tòa án chia đôi thổ đất được chia cho ông Mai Văn H sử dụng nửa thổ đất phía đông giáp hộ ông Mai Văn B, chia nửa thổ đất phía Tây giáp đường dong xóm cho các chị H, Th, H, Th, do bị

đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không yêu cầu thanh toán chênh lệch tài sản các bên đương sự không phải thanh toán cho nhau phần chênh lệch chia tài sản theo quy định pháp luật.

Về công trình xây dựng trên đất các đương sự tự nguyện nhất trí không đưa vào chia thừa kế, chia đất cho ai có công trình thì người đó được quyền sử dụng cần chấp nhận sự tự nguyện của đương sự.

Về đất ruộng: nhất trí ý kiến của ông Mai Văn H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Các đương sự phải nộp án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]Về thủ tục tố tụng: Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Mai Thị H, chị Mai Thị Th, chị Mai Thị Th, bà Mai Thị T, bà Nguyễn Thị Tá, anh Mai Đức Thắng, anh Mai Đức Toàn vắng mặt tại phiên tòa có lý do. Căn cứ khoản 1, khoản 2 Điều 227; khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự 2015 thì tòa án tiến hành xét xử vắng các đương sự trên là phù hợp.

[2] Về quan hệ pháp luật: Yêu cầu khởi kiện của ông Mai Văn H về chia di sản thừa kế của bà Mai Thị Ththeo pháp luật là tranh chấp kiện chia di sản thừa kế theo khoản 5 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về thời điểm mở thừa kế và thời hiệu khởi kiện:

Bà Mai Thị Thchết ngày 02/10/2005. Căn cứ khoản 1 Điều 611 Bộ luật dân sự năm 2015, thời điểm mở thừa kế của bà Th là ngày 02/10/2005. Theo quy định tại khoản 1 Điều 623 BLDS năm 2015 thì thời hiệu để người thừa kế yêu cầu chia di sản thừa kế là 30 năm đối với bất động sản và 10 năm đối với động sản kể từ thời điểm mở thừa kế: bà Mai Thị Thchết ngày 02/10/2005, nguyên đơn khởi kiện chia di sản thừa kế của bà Th để lại là bất động sản ngày 21/3/2018. Căn cứ điểm d khoản 1 Điều 688, khoản 1 Điều 623 của Bộ luật Dân sự năm 2015 thì yêu cầu chia di sản thừa kế là bất động sản còn trong thời hiệu khởi kiện.

[4] Về diện và hàng thừa kế: Bà Th chết không để lại di chúc. Theo tài liệu có trong hồ sơ và theo lời khai thống nhất của các đương sự. Bà Mai Thị Thvà ông Mai Văn H sinh được 4 người con: Chị Mai Thị H, sinh năm 1975; chị Mai Thị Th, sinh năm 1975; chị Mai Thị H, sinh năm 1977; chị Mai Thị Th, sinh năm 1983. Ngoài ra, bà Th không có con nuôi, con ngoài giá thú, bố mẹ của bà

Th cụ Nguyễn Thị Rần chết năm 1988 và cụ Mai Văn Phi (Mai Xuân Lượng) chết năm 2008. Như vậy, theo quy định tại Điều 613; Điều 651 BLDS 2015, hàng thừa kế thứ nhất theo pháp luật của bà Th gồm 06 người là: Cụ Mai Văn Ph (Mai Xuân L),Ông Mai Văn H, chị Mai Thị H, chị Mai Thị Th, chị Mai Thị H, chị Mai Thị Th. Cụ Ph (tức L) chết 2008 sau bà Th nên cụ L được hưởng thừa kế của bà Th ,người thừa kế quyền và nghĩa vụ của cụ Lượng là bà Nguyễn Thị Tá, ông Mai Văn Viện, bà Mai Thị T, ông Mai Đức Thắng, ông Mai Đức Toàn.

[5] Về công sức đóng góp của chị Mai Thị H vào khối tài sản chung của ông Mai Văn H, bà Mai Thị Th.

Trong quá trình làm việc tham gia tố tụng tại Tòa án và phiên tòa , nguyên đơn ông Mai Văn H và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan khác là chị H, chị Th, chị Th đều thống nhất công nhận và nhất trí khi chia di sản thừa kế của bà Mai Thị Ththì trừ đi phần tài sản chị H đóng góp vào khối tài sản chung của ông H và bà Th, phần chị H thực hiện nghĩa vụ đóng góp dòng tộc, ma chay cưới hỏi cho ông H khi ông H đi vắng và phần chị H được tính công trông coi quản lý di sản trong 13 năm các đương sự thống nhất khi chia di sản thừa kế thì trừ đi phần chị H được hưởng cụ thể: Tiền san lấp ao là 50.000.000đ; tiền xây tường rào B40 xây quanh thổ hết 22.951.000đ; tiền đóng góp vào dòng họ cho ông H là 8.100.000đ; số tiền vay thêm làm ma cho bà Th 7.000.000đ, phần chị H có công trông coi quản lý tài sản chung của ông H, bà Th là 13 năm mỗi năm 2.000.000đ x 13 năm = 26.000.000đ. Tổng tổng giá trị tài sản thành tiền trả cho chị H là 113.691.000đ trong khối tài sản chung của ông H, bà Th sau đó còn lại chia di sản thừa kế. Cần chấp nhận ý chí tự nguyện của các bên đương sự về việc tính công sức trông coi, quản lý đóng góp tôn tạo cho chị H trong khối tài sản chung thành tiền tương đương giá trị đất sau đó chia di sản thừa kế.

[6] *Về di sản thừa kế:* Đối với quyền sử dụng đất 465m^2 đất (đất ở 200m^2; đất trồng cây lâu năm 165m^2; đất nuôi trồng Th sản 100m^2) đã được UBND huyện cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số M444325 cấp ngày 15/12/1997. Qua xem xét các tài liệu trong hồ sơ và diễn biến tại phiên tòa thì thấy: Di sản thừa kế của bà Mai Thị Th nằm trong khối tài sản chung của bà và ông Mai Văn H, các đương sự đề nghị chia thừa kế gồm: Quyền sử dụng đất diện tích 456m^2 Tộc tờ bản đồ số 10, thửa số 47 tại xã Hải V, huyện H. Qua xem xét thực địa và biên bản định giá ngày 06/06/2018 mà hội đồng định giá đã định giá thì diện tích đất sử dụng thực tế của hộ ông Mai Văn H và bà Mai Thị Th có 456m^2 hiện nay chưa kê khai biến động đất so với 465m^2 so với sổ đỏ có giá 1.700.000/m^2 có tổng giá trị là 775.200.000đ. Giá công trình xây dựng trên đất

là 58.887.000đ. Các đương sự cùng khai thống nhất yêu cầu chia số đất thực tế còn lại là 456m^2; và không yêu cầu chia giá trị công trình xây dựng trên đất mà chia đất cho ai có công trình người đó được hưởng. Và thống nhất sau khi trừ đi phần công sức trông coi đóng góp của chị H vào khối tài sản và công việc chung của cả gia đình ông H và bà Th, sau đó chia di sản thừa kế.

Theo quy định tại Điều 66 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 thì bà Th, ông H mỗi người có ½ quyền sử dụng đất diện tích 465m^2 Tộc tờ bản đồ số 10, thửa số 47 tại xã Hải V. Tuy nhiên đất đo thực tế còn lại sau khi mở đường giao thông xã 456m^2; các đương sự thống nhất trừ đi phần chị H trông coi quản lý quật lập san lấp ao, xây tường và thực hiện nghĩa vụ tài chính chung gia đình tổng số tiền 113.691.000đ quy ra tương đương với đất là 66,8m^2. Như vậy tải sản chung của ông H, bà Th 456 m^2 – 66,8m^2 = 389,2m^2 :2 = 194,6m^2 có giá trị là 661.640.000đ : 2 = 330.820.000đ. Do bà Mai Thị Th chết không để lại di chúc nên phần tài sản của bà Th trong khối tài sản chung với ông H chuyển thành di sản thừa kế chia theo pháp luật.

Về công trình xây dựng trên đất có giá trị còn lại là 58.887.000đ không lớn các bên thống nhất không chia mà Tòa án chia vào phần đất của ai người đó được quyền sử dụng nên ghi nhận sự tự nguyện của các đương sự. Về ruộng nông nghiệp tiêu chuẩn của ai người đó sử dụng không yêu cầu không xem xét giải quyết nên, Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết về công trình xây dựng trên đất và đất ruộng nông nghiệp.

[7] Phân chia di sản theo giá trị: Ông Mai Văn H, chị Mai Thị H, chị Mai Thị H, chị Mai Thị Th, chị Mai Thị Th, ông Mai Xuân L (ông L chết năm 2008, người thừa kế quyền và nghĩa vụ của cụ Lượng là bà Tá, ông Viện, ông Th, ông T, bà T) Tộc hàng thừa kế thứ nhất của bà Th nên mỗi suất được hưởng giá trị di sản thừa kế của bà Mai Thị Th là 330,820.000 : 6 = 55.136.666đ (năm mươi lăm triệu một trăm ba mươi sáu nghìn sáu trăm sáu mươi sáu đồng) .

Do ông Mai Văn V, bà Nguyễn Thị T, Bà Mai Thị T, anh Mai Đức T, anh Mai Đức Th là người thừa kế quyền và nghĩa vụ của cụ Mai Xuân L để lại đã nhất trí thống nhất để cho lại chị Mai Thị H được hưởng tổng giá trị là 55.136.666đ nên suất của cụ L (tức Ph) chị H được hưởng.

Như vậy phần giá trị tài sản ông Mai Văn H được hưởng 330.820.000đ + 55.136.666đ = 385.956.666đ.

Phần giá trị tài sản chị Mai Thị H, chị Mai Thị H, chị Mai Thị Th, chị Mai Thị Th được hưởng là 389.374.330đ. (trong đó chị H được hưởng là tiền san lấp ao, tiền xây hàng rào b40; tiền đống góp dòng họ tiền ma chay cưới xin đóng

góp cho ông H, tiền công sức trông coi quản lý di sản tổng là 223.410.023đ ; chị Mai Thị H, chị Mai Thị Th, chị Mai Thị Th mỗi người được hưởng 55.136.666đ.

[8] Phân chia di sản theo hiện vật:

- Về phần bất động sản là đất: Trong quá trình làm việc tại Tòa án ông Mai Văn H có nguyện vọng được nhận di sản thừa kế và phần đất của ông được hưởng trong khối tài sản chung vợ chồng bằng hiện vật và ở phần đất phía Đông thổ đất cắt chiều Bắc Nam giáp phần đất hộ ông Mai Văn B là em trai ông H đang sử dụng, tuy nhiên sau đó ông H thay đổi ý kiến xin nhận phần đất phía Tây giáp đường dong xóm. Chị Mai Thị H, chị Mai Thị H, chị Mai Thị Th, chị Mai Thị Th cùng có nguyện vọng xin nhận di sản thừa kế của bà Th để lại bằng hiện vật và cùng nhận sở hữu chung hợp nhất phần đất để có chỗ xây dựng nơi thờ cúng cho bà Th. Chị Mai Thị H có nguyện vọng xin nhập cả phần tài sản chị H được hưởng chia di sản thừa kế, phần tài sản xác định công sức đóng góp trông coi quản lý tôn tạo san lấp của chị H, phần di sản của cụ Lượng được hưởng thừa kế của bà Mai Thị Thdo những người thừa kế quyền và nghĩa vụ cho chị H nhập vào khối tài sản được hưởng di sản thừa kế của chị H, chị Th, chị Th và xin nhận một nửa thổ đất phía Tây thổ nếu phần các chị được hưởng nhiều hơn không yêu cầu ông H phải thanh toán chênh lệch cho các chị . Xét nguyện vọng nhận di sản thừa kế bằng hiện vật của các đương sự thì thấy:

Phần đất của ông Mai Xuân H và phần đất của bốn người con ông H có diện tích chia tương đối bằng nhau giá trị chênh lệch không lớn, thổ đất phía Nam giáp đường xã có chiều rộng mặt đường là 10m để đảm bảo giá trị đất các phần được chia không có sự chênh lệch lớn đồng thời đảm bảo việc sử dụng đất của các bên được Tận lợi cần chia đôi thổ đất thành hai phần theo chiều Bắc Nam , mỗi phần giáp với mặt đường lớn là 5m là phù hợp, các đương sự thống nhất với nhau công trình xây dựng trên đất đã lâu hiện nay xuống cấp giá trị sử dụng không nhiều không yêu cầu chia giá trị chia hiện vật nằm trên phần đất, phần ai được chia đất có công trình trên đất thì người đó được sử dụng công trình đang có cần ghi nhận sự tự nguyện của các đương sự. Và để Tận tiện vấn đề sử dụng sau này phần đất phía Tây có đường dong xóm nên giao cho chị H, chị H, chị Th, chị Th được quyền sử dụng chung ½ thổ đất phía Tây có chiều cạnh phía Tây giáp ngõ dong xóm dài 45,6m, cạnh phía Đông giáp phần đất ông Mai Văn H theo chiều Bắc Nam dài 45,6m ; cạnh phía Nam giáp đường lớn xã rộng 5m; cạnh phía bắc giáp ông Kiến rộng 5m. Tổng diện tích là 228m^2 (S1). Chia Ông Mai Văn H phần đất giáp hộ ông B có tứ cận như sau: cạnh phía Tây giáp phần đất chia cho chị Th, chị H, chị Th, chị H sử dụng chiều dài 45,6m; cạnh phía Đông giáp đất hộ ông Mai Văn B chiều dài 45,6m; cạnh phía Bắc giáp

hộ ông Kiến rộng 5 m; cạnh phía Nam giáp đường xã rộng 5m .Tổng diện tích 228m^2 (S2).

Ghi nhận sự tự nguyện của các chị H, chị Th, chị H, chị Th xin sở hữu ½ thổ đất phía Tây thổ đất, chị H ý kiến phần các chị được hưởng nhiều hơn ông H 0,5m^2 đất khi chia đất không yêu cầu ông H thanh toán chênh lệch nên các bên đương sự không phải thanh toán chênh lệch chia tài sản cho nhau.

(có sơ đồ cụ thể kèm theo)

[9] Về chi phí tố tụng:

- Về án phí dân sự sơ thẩm: Xét ông Mai Văn H hiện nay già yếu là người cao tuổi có đơn xin miễn giảm án phí nên theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức T, miễn, giảm, T, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Toà án ông H được miễn án phí chia di sản thừa kế

Chị Mai Thị H, Mai Thị Th có hoàn cảnh kinh tế khó khăn, chồng bị đau ốm bệnh trọng hiện nay được chính quyền địa pH xác nhận nên được nên được giảm 50% án phí; Chị Mai Thị H, Mai Thị Th phải nộp án phí theo quy định của pháp luật.

- Chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ và định giá tài sản, ông H đã nộp đủ và nhận nộp toàn bộ không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 611; 612, 613; 623, 650, 651, 660 Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 66 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 26, 184, 185 , 288 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015; điểm đ khoản 1 Điều 12, Điều 13, khoản 7 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức T, miễn, giảm, T, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Toà án.

1. Xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Mai Văn H.

2. Xác nhận công sức đóng góp của chị H vào khối tài sản và nghĩa vụ tài chính chung của gia đình là 113.691.000đ;

3. Xác nhận quyền sử dụng đất diện tích 456m^2 Tộc tờ bản đồ số 10, thửa số 47 ở xóm 5, xã Hải Vân, huyện Hải Hậu, có tổng giá trị là 775.200,000đ là tài sản chung của ông Mai Văn H, bà Mai Thị Th.

4. Xác nhận giá trị di sản chia thừa kế của bà Mai Thị Th là 330.820.000đ

5. Chia giá trị di sản thừa kế: Ông Mai Văn H được hưởng 385.956.666đ tương đương 227,5m^2; Chị Mai Thị H được hưởng 223.410.023đ ;Chị Mai Thị H, chị Mai Thị Th, chị Mai Thị Th mỗi người được hưởng 55.136.666đ. Tổng giá trị sở hữu chung hợp nhất của chị H, chị Th, chị Th được hưởng là 389.374.330đ tương đương 228,5m^2 đất.

6. Chia di sản bằng hiện vật:

- Chia cho các chị Mai Thị H; Mai Thị H, Mai Thị Th; Mai Thị Th được quyền sử dụng chung 1/2 thổ đất phía Tây. Có chiều cạnh phía Bắc giáp hộ ông Mai Văn K rộng 5m; cạnh phía Nam giáp đường xã dài 5m; cạnh phái Tây giáp đường giong xóm dài 45,6m, chạnh phía đông giáp phần đất ông Mai Văn H dài 45,6m. Tổng diện tích 228m^2 (đất ở 100m^2; đất vườn 82,5m^2; đất ao 45,5m^2) . Và hưởng công trình trên đất được chia.

- Chia cho ông Mai Văn H hưởng 1/2 thổ đất phía Đông. Có chiều cạnh phía Bắc giáp hộ ông Mai Văn K rộng 5m; cạnh phía Nam giáp đường xã rộng 5m; cạnh phái Tây giáp phần đất quyền sử dụng chung chị Mai Thị H, chị Mai Thị H, chị Mai Thị Th, chị Mai Thị Th dài 45,6m, cạnh phía Đông giáp đất hộ ông Mai Văn B dài 45,6m. Tổng diện tích 228m^2 (đất ở 100m^2; đất vườn 82,5m^2; đất ao 45,5m^2). Và hưởng các công trình trên đất được chia.

Ghi nhận sự tự nguyện của chị H, chị H, chị Th, chị Th, ông H các bên đương sự không phải thanh toán tiền chênh lệch chia tài sản cho nhau.

(có sơ đồ cụ thể kèm theo)

8. Về án phí:

- Miễn án phí dân sự sơ thẩm cho ông Mai Văn H là người cao tuổi, già yếu ông Mai Văn H được nhận lại 1.000.000đ (một triệu đồng) tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp tại biên lai số AA/2015/0002460 ngày 10/4/2018 của Chi cục Th hành án dân sự huyện Hải Hậu.

- Chị Mai Thị H, chị Mai Thị Th được giảm 50% án phí theo kỷ phần được hưởng; chị Mai Thị H phải nộp 5.585.259đ. chị Mai Thị Th phải nộp 1.378.416đ, chị Mai Thị H nộp 2,756.833đ; chị Mai Thị Th phải nộp 2,756.833đ . Tổng án phí chị H, chị H, chị Th, chị Th phải liên đới nộp án phí 12.477.341đ (Mười hai triệu bốn trăm bảy mươi bảy nghìn ba trăm bốn mươi mốt đồng).

Nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc tống đạt hợp lệ.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan Th hành án có quyền chủ động ra quyết định Th hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu Th hành án của người được Th hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được Th hành án) cho đến khi Th hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải Th hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải Th hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

Trong trường hợp bản án được Th hành theo quy định tại Điều 2 Luật Th hành án dân sự thì người được Th hành án dân sự, người phải Th hành án dân sự có quyền thoả Tận Th hành án, quyền yêu cầu Th hành án, tự nguyện Th hành án hoặc bị cưỡng chế Th hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Th hành án dân sự; thời hiệu Th hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật Th hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Nam Định;
- VKSND tỉnh, huyện;
- Chi cục THADS huyện;
- UBND xã Hải Vân;
- Cấp cho đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Hằng